TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168 /2025/DSST
Ngày 21.8.2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tạo

Bà Trần Thị Hồng Thu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị K Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – H.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – H*** *tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Huyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 78 /2025/ DSST ngày 02 tháng 04 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2025/QĐST- DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 72/2025 ngày 10 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q**

Địa chỉ: Tầng 1 & tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower, số 114 Pasteur, phường S, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc Vũ – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được uỷ quyền:

1. Bà Phạm Thùy Linh – Cán bộ Ngân hàng (vắng mặt)
2. Hoàng Thị Hồng Vân – Cán bộ Ngân hàng (vắng mặt)
3. Bà Hà Thị Bình Dương – Cán bộ Ngân hàng (Có mặt)

(Theo giấy ủy quyền số 196978.24 ngày 18.9.2024; Giấy uỷ quyền số 230759.25 ngày 01/8/2025 của Ngân hàng TMCP Q)

*** Bị đơn**: **Bà Đặng Thị M, sinh năm 1976**

HKTT+ cư trú: Số nhà 273, ngõ 68, tổ 1 đường P, phường P, Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên toà)

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1975

HKTT+ cư trú: Số nhà 273, ngõ 68, tổ 1 đường P, phường P, Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng tại Toà án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

VIB cho bà Đặng Thị M vay vốn theo:

1. Hợp đồng tín dụng số 3607766.21 ngày 17/12/2021 và Khế ước nhận nợ số 3607768(1).21 ngày 17/12/2021, nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 430.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi triệu đồng);
- Mục đích giải ngân: Vay mua xe ô tô.
- Thời hạn vay: 96 tháng;
- Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm.

2. Đề nghị phát hành thẻ ngày 28/7/2021

- Hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng.
- Mục đích: Vay tiêu dùng

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là:

Xe ô tô Honda, số loại City, biển kiểm soát 30H-297.64, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 159645, do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/12/2021, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9171206.21 ngày 17/12/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Sau khi ký kết, VIB đã thực hiện giải ngân cho bà Đặng Thị M đúng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Đặng Thị M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản vay của bà M bị phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 15/11/2022.

Kể từ khi khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, VIB đã nhiều lần làm việc nhưng bà Đặng Thị M chỉ thanh toán cho VIB số tiền là 75.805.797 đồng (trong đó nợ gốc: 44.800.000 đồng, nợ lãi là 31.005.797 đồng).

VIB cũng đã nhiều lần yêu cầu bà Đặng Thị M bàn giao tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi khoản nợ theo đúng thỏa thuận và quy định của pháp luật nhưng bà M không hợp tác trả nợ cho VIB.

Dư nợ của bà Đặng Thị M tạm tính đến ngày 27/12/2024 là **642.689.670 đồng**, trong đó:

Hợp đồng tín dụng	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn/phí	Tổng
3607766.21 ngày 17/12/2021	385.200.000đ	30.390.364đ	156.653.589đ	572.243.953đ
Thẻ tín dụng	22.938.805đ	14.757.204đ	32.749.708đ	70.445.717đ
Tổng	408.138.805đ	45.147.568đ	189.403.297đ	642.689.670đ

Yêu cầu khởi kiện:

1. Buộc bà Đặng Thị M trả ngay cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 27/12/2024 là 642.689.670 đồng
2. Buộc bà Đặng Thị M tiếp tục trả cho VIB các khoản lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký trong thời gian kể từ ngày 28/12/2024 đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.
3. VIB được đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên và phát mại tài sản bảo đảm trên để xử lý thu hồi nợ nếu bà Đặng Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa án Nhân dân có thẩm quyền.
4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với VIB. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho VIB.

*** Bị đơn là bà Đặng Thị M không đến Toà nên không có lời khai.**

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng K trình bày:**

Anh là chồng của chị Đặng Thị M. Anh không biết việc chị Đặng Thị M có vay mượn với ngân hàng TMCP Q, anh không biết việc chị M vay ngân hàng bao nhiêu tiền, sử dụng số tiền trên để làm gì, dùng tài sản gì để thế chấp cho khoản vay với ngân hàng. Anh không được sử dụng số tiền vay trên, thông qua Tòa án thông báo các giấy tờ về nhà anh mới biết việc chị M vay nợ với ngân hàng và thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Honda City. Anh không biết chiếc xe này như thế nào, hiện ở đâu.

Chị M đã đi khỏi nhà từ cuối tháng 12/2022, anh không biết chị hiện nay đang ở địa chỉ nào cụ thể, anh không liên lạc được với chị Mạn.

Nay ngân hàng TMCP Q yêu cầu khởi kiện chị M ra Tòa án, yêu cầu chị M trả số tiền tạm tính đến ngày 27/12/2024 là 642.689.670 đồng, trong đó nợ gốc là 408.138.805 đồng, nợ lãi là: 234.550.865 đồng, tôi không có liên quan gì, chị M phải có trách nhiệm trả nợ đầy đủ số tiền trên cho ngân hàng. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyế vụ án.

Tại phiên toà nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện:

Buộc phải trả cho Ngân hàng tổng dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 21/8/2025 là: 704.429.233đồng, trong đó:

Hợp đồng tín dụng số 3607766.21 ngày 17/12/2021

+ Nợ gốc: 385.200.000đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 30.390.364 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 218.393.152đồng

Hợp đồng thẻ tín dụng:

+ Nợ gốc: 22.938.805đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 14.757.204đồng

+ Nợ phí thẻ: 32.749.708đồng

Buộc Đặng Thị M phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 22/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do nên không có lời khai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – H tại phiên toà phát biểu quan điểm:

- ***Về việc thụ lý vụ án:*** Việc thụ lý vụ án của Thẩm phán là đúng quy định của BLTTDS quy định tại Điều 195 BLTTDS.

- ***Về thẩm quyền thụ lý và xác định quan hệ pháp luật:***

Bị đơn có địa chỉ tại số 273 ngõ 68 đường P, tổ 1, phường P, Thành phố H. Do đó, thẩm quyền thụ lý vụ án do Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 BLTTDS

Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng quy định tại khoản 3, Điều 26 BLTTDS.

- Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo quy định tại Điều 68 BLTTDS

- Về thu thập tài liệu chứng cứ: Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ đúng quy định tại Điều 97, 98 BLTTDS.

Vụ án thuộc trường hợp KSV tham gia phiên tòa.

- Về thực hiện tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Việc ra thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

- Về chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán giải quyết vụ án quá hạn thời hạn chuẩn bị xét xử - vi phạm quy định tại Điều 203 BLTTDS.

- Về tống đạt, niêm yết, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự: Thẩm phán thực hiện việc cấp, tống đạt, niêm yết thông báo, văn bản tố tụng cho đương sự và VKS đúng quy định của BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình tố tụng không chấp hành nghĩa vụ tố tụng đã từ chối các quyền tố tụng của mình quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của HĐXX tại phiên tòa:

HĐXX, Thư ký tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về phiên tòa Dân sự sơ thẩm tại Chương 14 BLTTDS.

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

*** Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự xác định:**

Bà Đặng Thị M và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có ký Hợp đồng tín dụng số 3607766.21 ngày 17/12/2021 và Khế ước nhận nợ số 3607768(1).21 ngày 17/12/2021, nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 430.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi triệu đồng);
- Mục đích giải ngân: Vay mua xe ô tô.
- Thời hạn vay: 96 tháng;
- Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm.

  Đề nghị phát hành thẻ ngày 28/7/2021
- Hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng.

- Mục đích: Vay tiêu dùng

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Đặng Thị M đã vi phạm nghĩa vụ đối với Ngân hàng, theo đó các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 21/8/2025 dư nợ của bà M đối với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 3607766.21 ngày 17/12/2021

+ Nợ gốc: 385.200.000đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 30.390.364 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 218.393.152đồng

Hợp đồng thẻ tín dụng:

+ Nợ gốc: 22.938.805đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 14.757.204đồng

+ Nợ phí thẻ: 32.749.708đồng

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là:

Xe ô tô Honda, số loại City, biển kiểm soát 30H-297.64, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 159645, do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/12/2021, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9171206.21 ngày 17/12/2021

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy: việc ký hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Q và bà Nguyễn Thị M đượcthực hiện trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận. Các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Việc bà M vay vốn tại ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm thỏa thuận ký kết tại hợp đồng tín dụng đã ký. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc đòi nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ trên đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 463; 466, 468 BLDS, 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết 01/2019 của HĐTP – TANDTC:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại cho ngân hàng tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục THA dân sự quận Bắc Từ Liêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Q có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Đặng Thị M, sinh năm 1976; HKTT + cư trú: số 273 ngõ 68 đường Phú Diễn, tổ 1, phường P, Thành phố H, bà Đặng Thị M không còn ăn ở, sinh hoạt tại địa chỉ trên nhưng không thông báo cho Ngân hàng địa chỉ cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/ NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vụ án được giải quyết theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú cuối cùng nhưng bà M vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bà M là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số 3607766.21:

- Ngày 17/12/2021, Ngân hàng TMCP Q và bà Đặng Thị M đã ký kết hợp đồng số 3607766.21 với nội dung Ngân hàng cho bà M vay số tiền là 430.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi triệu đồng);
- Mục đích giải ngân: Vay mua xe ô tô.
- Thời hạn vay: 96 tháng;
- Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm.

  Ngoài ra, bà M đề nghị phát hành thẻ ngày 28/7/2021

- Hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng.
- Mục đích: Vay tiêu dùng

Thực hiện hợp đồng trên, ngày 17/12/2021 Ngân hàng TMCP Q đã giải ngân cho bà M toàn bộ số tiền trên, thể hiện tại khế ước nhận nợ số 3607768 (1).21 ngày 17/12/2021.

Bà M đề nghị phát hành thẻ ngày 28/7/2021, hạn mức 30.000.000đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 75.805.797 đồng trong đó trả nợ gốc là 44.800.000đồng; nợ lãi là 31.005.797đồng. Sau đó bà Nguyễn Thị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đối với khoản vay này từ ngày 15/11/2022 đến nay. Đối với thẻ tín dụng bà M đã sử dụng hạn mức số tiền là 22.938.805đồng, bà M không trả được khoản nợ gốc và lãi của thẻ tín dụng. Tính đến ngày 22/8/2025, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 3607766.21 ngày 17/12/2021

+ Nợ gốc: 385.200.000đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 30.390.364 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 218.393.152đồng

Hợp đồng thẻ tín dụng:

+ Nợ gốc: 22.938.805đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 14.757.204đồng

+ Nợ phí thẻ: 32.749.708đồng

Đối với phí thẻ Ngân hàng đã chốt đến ngày 22/01/2024 không phát sinh lãi và các khoản phí thẻ.

Hợp đồng cho vay hai bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về hình thức và nội dung. Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối bà M phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử là chính đáng, phù hợp với các thỏa thuận mà các bên đã ký kết theo hợp đồng cho vay, phù hợp các quy định của pháp luật nên có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Xét Hợp đồng thế chấp số 9171206.21 ngày 17/12/2021:

Để đảm bảo 02 khoản vay nêu trên, bà Đặng Thị M đã thế chấp 01 Xe ô tô nhãn hiệu HONDA; Biển số đăng ký: 30H-297.64; Số khung: RLHGN2660MY001938; Số máy: L15ZC1006735 thuộc quyền sở hữu/sử dụng riêng của bà Đặng Thị M (Ngày 16/12/2021, chồng bà M là ông Nguyễn Hồng K đã có văn bản xác nhận và cam kết tài sản xe ô tô là của riêng bà Đặng Thị Mạn), nội dung thế chấp: *Toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên B, hiện tại cũng như tương lai, đã phát sinh hoặc có thể phát sinh riêng rẽ hoặc liên đới với bất kỳ người nào khác*…. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP H ngày 17/12/2021.

Như vậy, hợp đồng thế chấp và các văn bản liên quan được lập đúng theo quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên thỏa mãn các quy định về thế chấp tài sản quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó, nếu bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng.

-Về án phí: Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 100, 101, 103 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị Quyết số 326/NQ – QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Đặng Thị M. Buộc bà M phải trả cho Ngân hàng TMCP Q tính đến ngày 21/8/2025 là 704.429.233, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 3607766.21 ngày 17/12/2021

+ Nợ gốc: 385.200.000đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 30.390.364 đồng

+ Nợ lãi quá hạn: 218.393.152đồng

Hợp đồng thẻ tín dụng:

+ Nợ gốc: 22.938.805đồng

+ Nợ lãi trong hạn: 14.757.204đồng

+ Nợ phí thẻ: 32.749.708đồng

Kể từ ngày 22/08/2025, bà M còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam).

Trường hợp bà M không thanh toán đầy đủ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3607766.21 ngày 17/12/2021 thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Xe ô tô nhãn hiệu Honda city; Biển số đăng ký: 30H-297.64, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 159645, do Phòng cảnh

sát giao thông Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/12/2021, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9171206.21 ngày 17/12/2021. Tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại H, để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng.

2.Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị M phải chịu 32.177.169 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 14.853.700đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0075733 ngày 02/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (Nay là Thi hành án khu vực 4 – Thành phố Hà Nội)

3.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 4 – H*
- *Thi hành án khu vực 4 – H*
-*Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Tuyết